

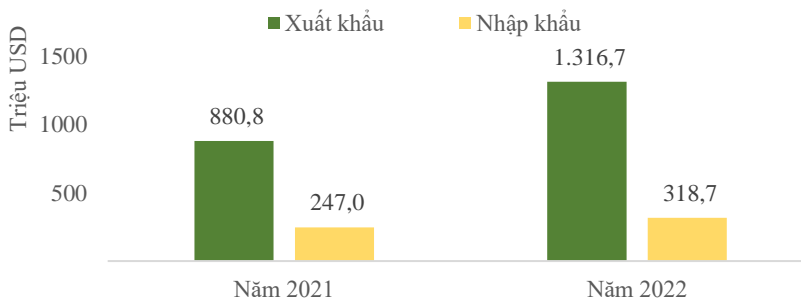
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



TÌNH HÌNH CHUNG

Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

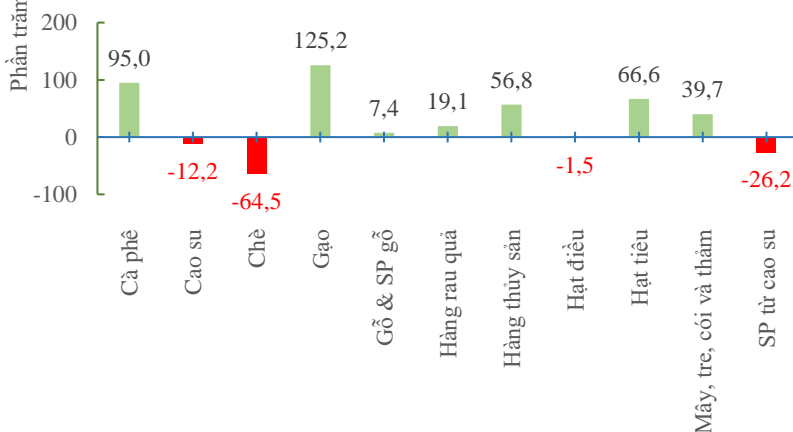


So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

(3 tháng 2021 và 3 tháng 2022)

Xuất khẩu ▲ 49,5%
Nhập khẩu ▲ 29,0%

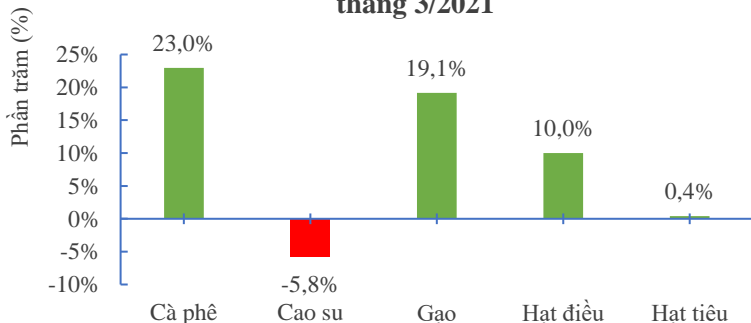
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang EU 3 tháng 2022 so với 3 tháng 2021



So sánh 3 tháng năm 2022 với 3 tháng năm 2021

Cà phê ▲ 95,0%
Cao su ▼ 12,2%
Chè ▼ 64,5%
Gạo ▲ 125,2%
Gỗ và SP Gỗ ▲ 7,4%
Rau quả ▲ 19,1%
Thủy sản ▲ 56,8%
Hạt điều ▼ 1,5%
Hạt tiêu ▲ 66,6%
Mây tre đan ▲ 39,7%
SP từ cao su ▼ 26,2%

Biến động giá xuất khẩu BQ tháng 3/2022 so với tháng 3/2021



So sánh giá xuất khẩu tháng 3/2022 với tháng 3/2021

Cà phê ▲ 23,0%
Cao su ▼ 5,8%
Gạo ▲ 19,1%
Hạt điều ▲ 10,0%
Hạt tiêu ▲ 0,4%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu chính thức của Cơ quan Thống kê châu Âu Eurostat công bố ngày 29/4, tăng trưởng kinh tế của Khu vực đồng tiền chung châu Âu đã chậm lại trong ba tháng đầu năm 2022 trong khi lạm phát ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế của khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong quý I/2022 chỉ ở mức 0,2% so với mức 0,3% trong quý IV/2021. Trong khi đó, do giá năng lượng tăng cao, giá tiêu dùng tại Eurozone trong tháng 4/2022 đã tăng 7,5% - mức cao nhất từ trước đến nay.

Tăng trưởng của cả khu vực Liên minh châu Âu ở mức 0,4%, so với mức 0,5% trong quý IV/2021. Đối với các nước thành viên, số liệu của Eurostat cho thấy, nền kinh tế Pháp đã tăng trưởng trì trệ trong quý 1 so với mức tăng trưởng 0,8% vào quý trước đó. Tại Italy nền kinh tế cũng giảm 0,2%, còn Tây Ban Nha tăng trưởng chậm lại ở mức 0,3% so với mức tăng 2,2% vào giữa quý 3 và quý 4 năm ngoái. Đức là nước duy nhất trong 4 nền kinh tế lớn nhất Liên minh châu Âu (EU) đạt được kỳ vọng khi đạt mức tăng trưởng khiêm tốn 0,2% so với 3 tháng trước.

Số liệu của Eurostat cũng cho thấy lạm phát tại khu vực đồng euro tiếp tục tăng nhẹ, đạt 7,5% tính đến tháng 4, so với mức kỷ lục 7,4% vào tháng trước. Lạm phát cơ bản (không bao gồm giá năng lượng và nhiên liệu) tăng từ 2,9% lên 3,5%. Giá năng lượng tăng 38%, trong khi giá thực phẩm chưa chế biến tăng 9,2%. Nhìn chung, áp lực giá tiếp tục gia tăng trong khu vực đồng euro, khiến lạm phát cao hơn mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Các chuyên gia nhận định ECB có thể tăng lãi suất vào tháng 7 nếu triển vọng kinh tế không xấu đi. Ngoài ra, quan ngại về sự leo thang các lệnh trừng phạt của phương Tây đối với Moskva gây nguy cơ thiếu hụt dầu mỏ và khí đốt sẽ ảnh hưởng nặng nề đến ngành công nghiệp và đẩy giá năng lượng lên cao hơn nữa, làm giảm thu nhập hộ gia đình, đồng thời làm mất niềm tin của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Nga hiện đã cắt nguồn cung cấp khí đốt cho Ba Lan và Bulgaria.

Cuộc khủng hoảng ở Ukraine cũng làm mờ đi triển vọng kinh tế của châu Âu. Các nhà kinh tế dự báo GDP khu vực đồng euro có thể sẽ giảm trong quý II/2022 do tác động từ cuộc xung đột ở Ukraine và giá năng lượng tăng cao gây ảnh hưởng đến

thu nhập thực tế của các hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng, cũng như làm trầm trọng thêm các vấn đề nguồn cung. Mức tăng trưởng 0,2% của khu vực eurozone trong quý 1 mặc dù cao hơn mức giảm 0,4% của nền kinh tế Mỹ, song tụt hậu so với mức tăng 1,3% của Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm.

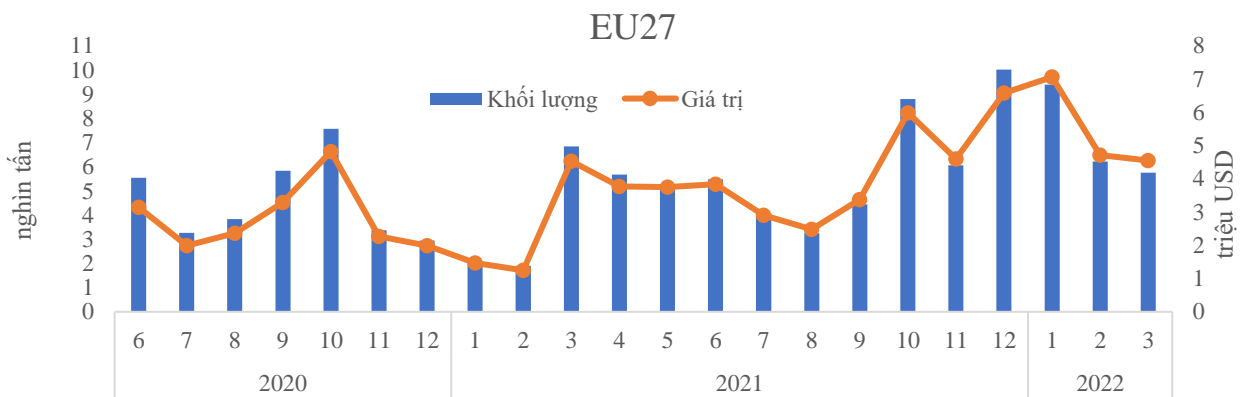
Về thương mại NLTS của EU với Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất 1316,7 triệu USD sang EU, trong khi nhập khẩu 318,7 triệu USD, tăng 49,5% về xuất khẩu và 29,0% về nhập khẩu so với cùng kỳ năm 2021. Tốc độ tăng trưởng của các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu sang EU so với năm 2021 cụ thể như sau: cà phê (tăng 95,0%), cao su (giảm 12,2%), chè (giảm 64,5%), gạo (tăng 125,2%), gỗ & sản phẩm gỗ (tăng 7,4%), hàng rau quả (tăng 19,1%), hàng thủy sản (tăng 56,8%), hạt điều (giảm 1,5%), hạt tiêu (tăng 66,6%), mây, tre, cói và thảm (tăng 39,7%), và sản phẩm từ cao su (giảm 26,2%).

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 5,8 nghìn tấn gạo, trị giá 4,5 triệu USD sang thị trường EU, giảm 7,4% về khối lượng và 3,5% về giá trị so với tháng trước; giảm 15,8% về khối lượng nhưng tăng 0,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 21,4 nghìn tấn, trị giá 16,3 triệu USD, tăng 98,5% về khối lượng và 125,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

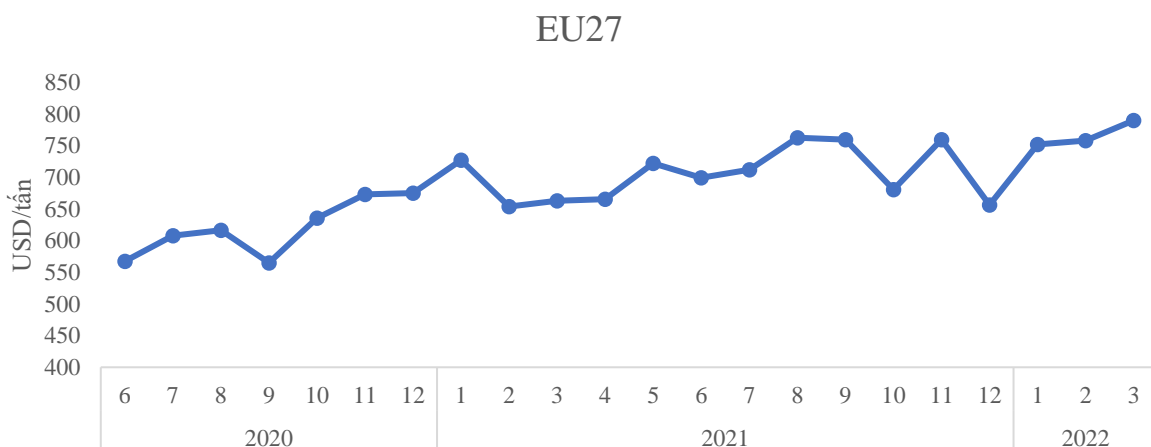
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 3/2022 đạt 789,8 USD/tấn, tăng 4,2% so với tháng trước và 19,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

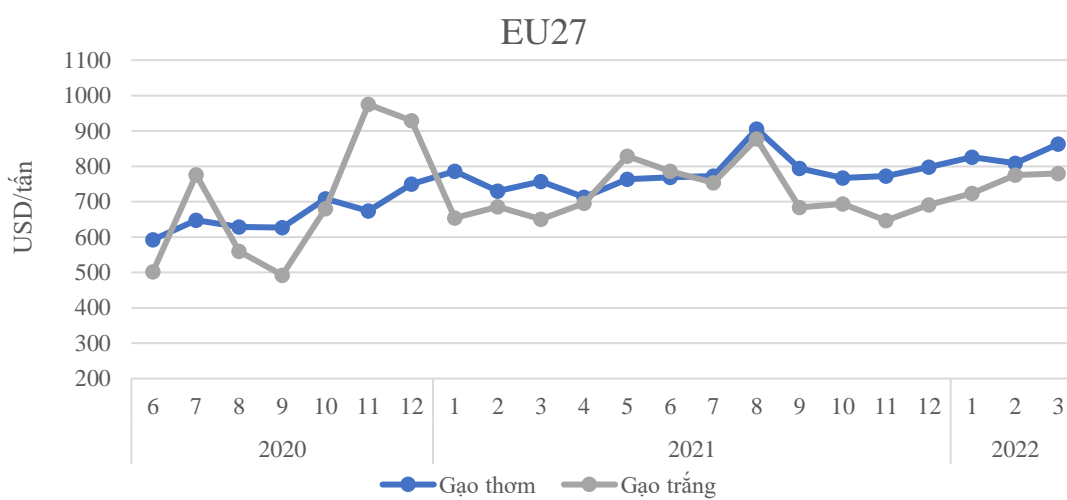


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,5 nghìn tấn, trị giá 2,9 triệu USD (chiếm 61,5% về khối lượng và 64,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 36,0% về khối lượng và 21,8% về giá trị.

Giá gạo thơm tháng 3/2022 đạt trung bình 863,0 USD/tấn, tăng 6,8% so với tháng trước và tăng 14,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 780,0 USD/tấn, tăng 0,6% so với tháng trước và 19,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

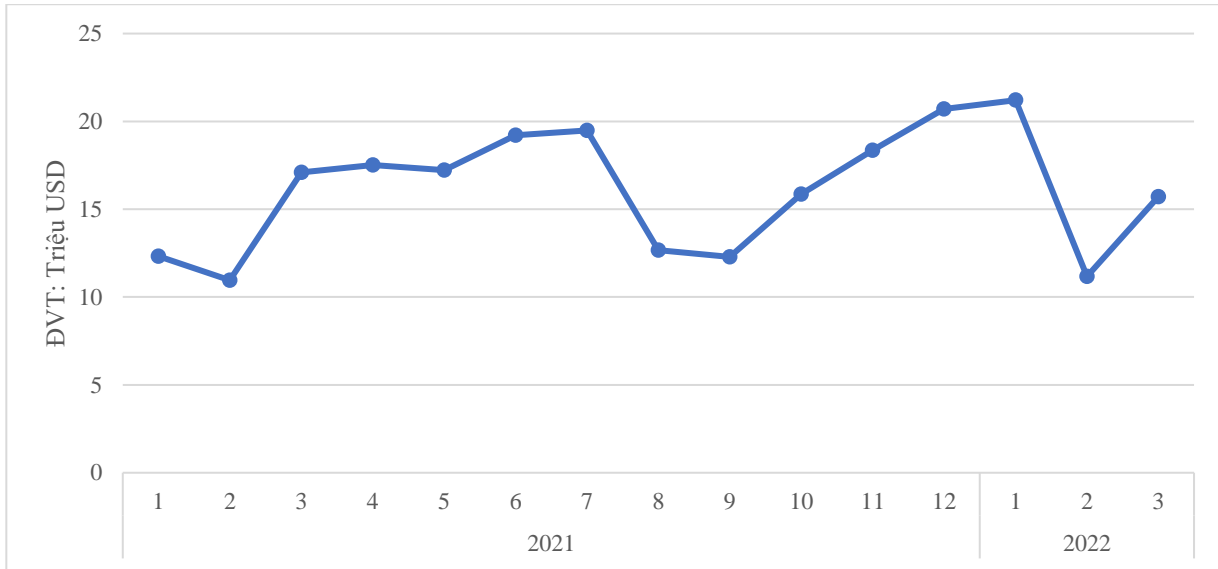
2. RAU QUẢ

Theo số liệu của Hiệp hội táo và lê Thế giới (WAPA), tính đến ngày 1/4/2022, dự trữ táo ở châu Âu đạt 2,18 triệu tấn, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2021; dự trữ lê đạt 206,2 nghìn tấn, giảm 24,6%.

Sản lượng chuối trong 4 tháng đầu năm 2022 của EU dự báo đạt 224.314 tấn, tăng một chút so với cùng kỳ năm trước. Giá chuối sản xuất tại EU dự báo ở mức cao, với giá 1,45 Eur/kg đối với chuối Bồ Đào Nha, chuối Hy Lạp đạt 0,97 Eur/kg, chuối Tây Ban Nha đạt 0,95 Eur/kg.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 3 năm 2022 đạt 15,7 triệu USD, chiếm 4,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 40,6% so với tháng trước và giảm 8,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 48,1 triệu USD, chiếm 5,7% thị phần, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm 2021.

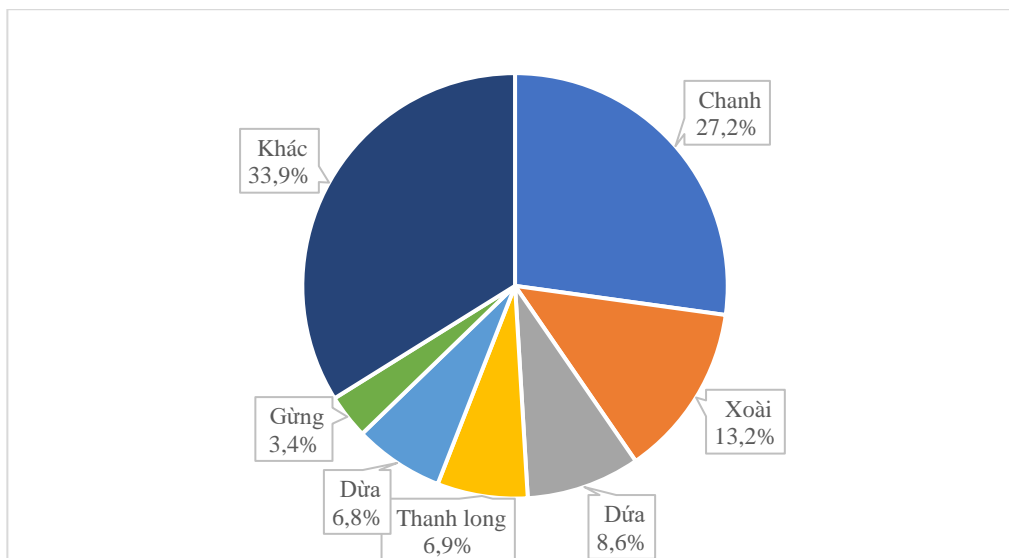
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 3 năm 2022 chủ yếu là trái cây (đạt 12,8 triệu USD, chiếm 81,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh, v.v.) chiếm tới 53,7% (so cùng kỳ 2021 là 59,5%), trái cây chế biến chiếm 27,6% (cùng kỳ 2021 là 26,1%). Mặt hàng rau đạt 2,9 triệu USD (chiếm 18,8%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 14,3% (năm 2021 là 10,3%), rau chế biến chiếm 4,4% (năm 2021 là 4,0%).

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 3/2022 bao gồm: chanh đạt 4,3 triệu USD (chiếm 27,2% tổng giá trị xuất khẩu),

giảm 21,9% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,1 triệu USD (chiếm 13,2%), giảm 18,7%; dứa đạt 1,4 triệu USD (chiếm 8,6%), tăng 56,6%; thanh long đạt 1,1 triệu USD (chiếm 6,9%), giảm 26,6%; dứa đạt 1,1 triệu USD (chiếm 6,8%), giảm 26,6%; v.v.

Trong tháng 3/2022, rau quả chế biến đạt 5,0 triệu USD (chiếm 32,0% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 2,5% so với cùng kỳ 2021. Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 43,01% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến, tăng 35,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 42,95%, giảm 24,8%; v.v.

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 3 năm 2022 đạt 2,97 triệu USD, chiếm 2,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 11,2 triệu USD, chiếm 2,8% thị phần, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 3/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 1,7 triệu USD (chiếm 58,3% thị phần), tăng 31,5% so với cùng kỳ năm 2021; khoai tây đạt 678,1 nghìn USD (chiếm 22,9%), giảm 31,3%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine kéo dài gần 2 tháng đã gây ra ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của nhiều hàng quán. Một số hãng cà phê lớn như Starbucks, McCafé,.. đã đình chỉ hoạt động các chi nhánh của mình ở Nga như một hành động để phản đối chiến tranh.

Bên cạnh đó, việc giá năng lượng và lương thực tăng cao cũng khiến thị trường trở nên lo ngại về tiêu thụ cà phê ở khu vực châu Âu nói chung.

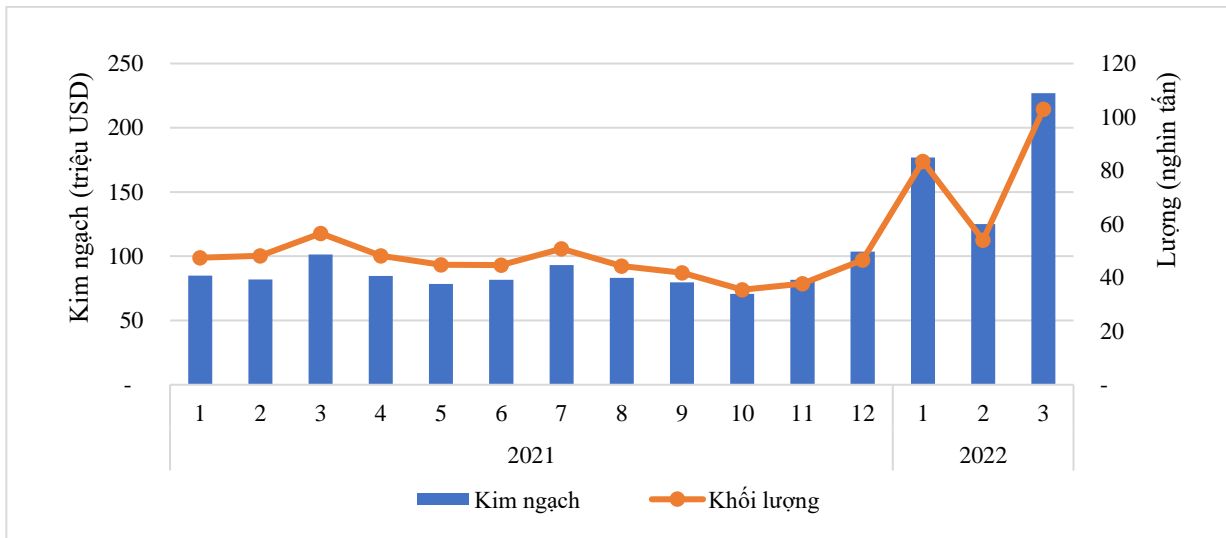
Tuy nhiên tổng kết quý 1 vừa qua, Costa Coffee, chuỗi cà phê thuộc Top 10 thế giới được Coca Cola mua lại vào năm 2018 đã đánh dấu sự hồi phục của họ ở châu Âu, từ đó góp phần cho mức tăng 28% của doanh thu toàn cầu của hãng và 27% trong phân khúc cà phê của Coca Cola.

Điều này cho thấy tiêu thụ cà phê ở khu vực này chưa thực sự bị ảnh hưởng, từ đó giúp kìm hãm áp lực bán từ thị trường.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU tháng 03/2022 ước đạt 102,9 nghìn tấn với trị giá 226,9 triệu USD, tăng 90,3% về lượng và 81,5% về giá

trị so với tháng trước, và tăng 82,2% về lượng và 124,1% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU

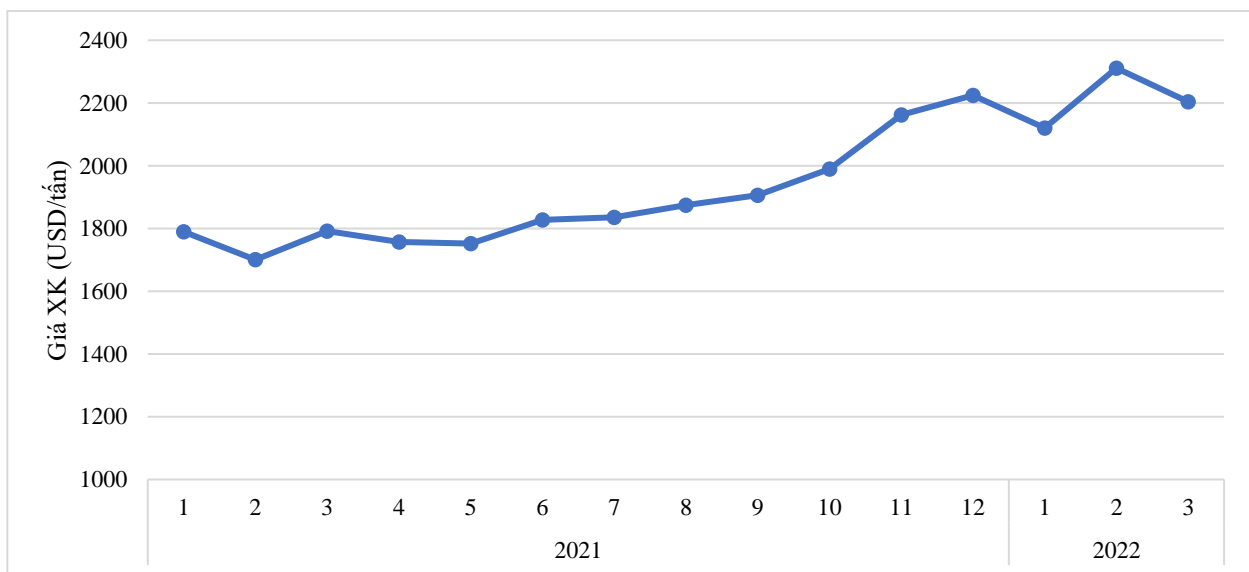


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU đạt 2.204 USD/tấn, giảm 4,6% so với tháng trước và tăng 23,0% so với cùng kỳ năm trước.

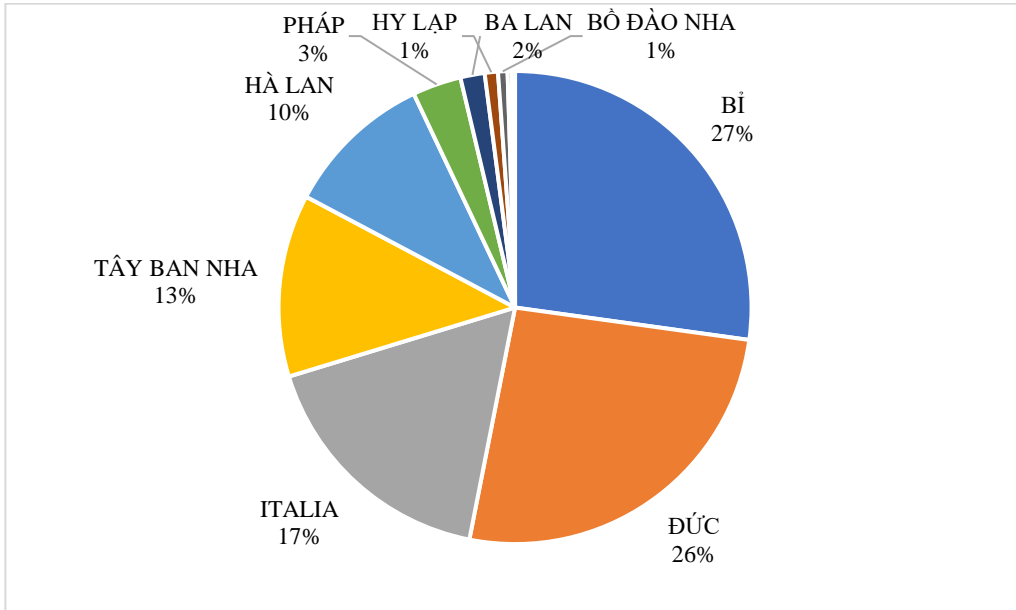
Trong tháng 03/2022, Bỉ là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 61,7 triệu USD, chiếm 27,2% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU. Đức là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 58,8 triệu USD, chiếm 25,9%. Tiếp theo là Italia, Tây Ban Nha và Hà Lan chiếm lần lượt 17,2%, 12,5% và 10,2% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

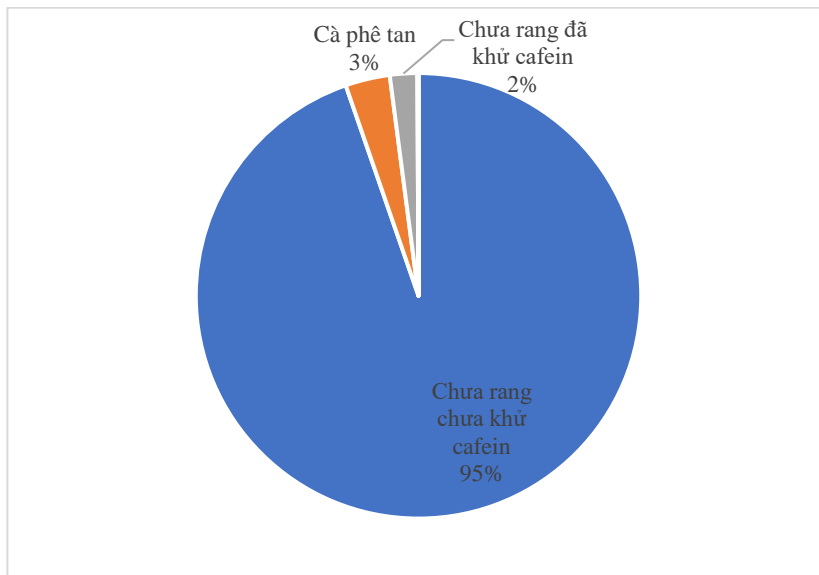
Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê Việt Nam sang các nước EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 221,2 triệu USD, chiếm 94,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 7,6 triệu USD, chiếm 3,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử caffein chiếm 2,0% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

Hình 9: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang EU theo kim ngạch tháng 3/2022

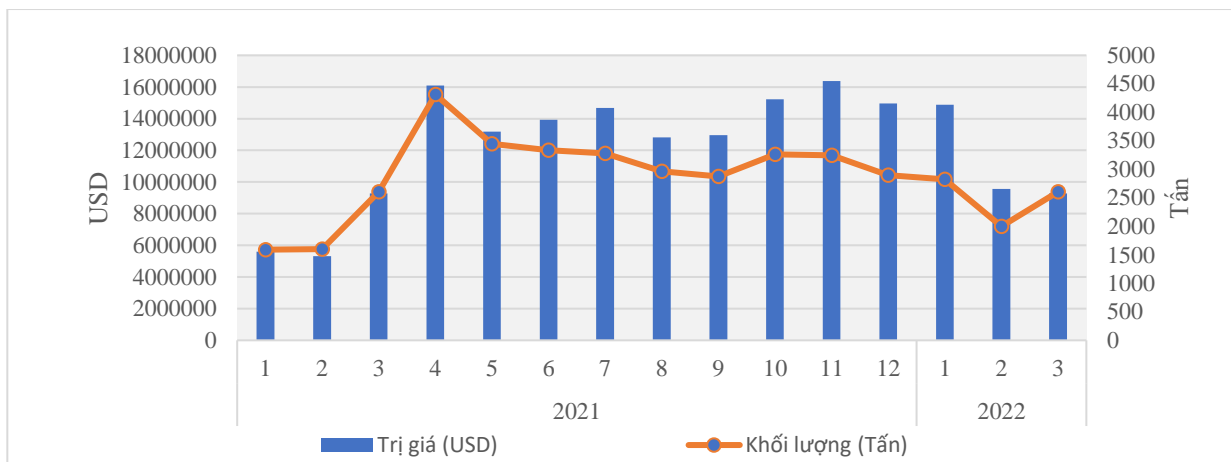


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU tăng nhẹ trong tháng 3/2022. Trong tháng này, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thị trường này đạt 2.606 tấn hồ tiêu với trị giá 9,2 triệu USD, tăng 34,28% về khối lượng nhưng giảm 12,17% về giá trị so với tháng trước, tăng 26,15% về khối lượng và 56,48% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

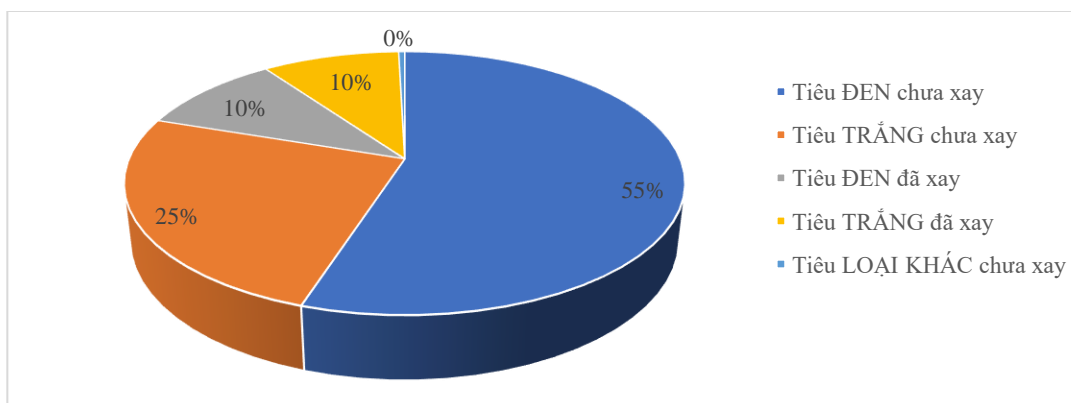
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 55% tổng giá trị xuất khẩu tiêu vào EU, tăng 147% so với tháng trước và 85,58% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 25% tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này, tăng 140% so với tháng trước và 159% so với cùng kỳ năm trước.

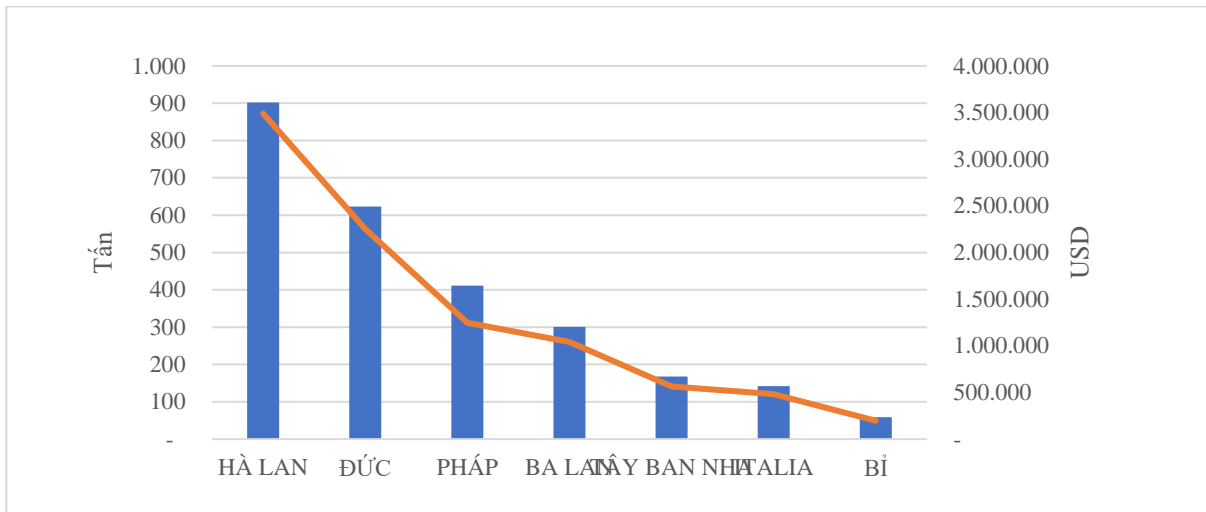
Hình 11: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường EU tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hà Lan là quốc gia dẫn đầu trong khối EU về khối lượng và kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong tháng 3/2022 với 902 tấn, đạt trị giá 3,48 triệu USD (chiếm 37,6% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam vào EU). Xếp thứ hai là Đức với khối lượng xuất khẩu đạt 623 tấn, tương đương với 2,2 triệu USD, chiếm 24,3% về giá trị. Xếp cuối cùng là Bỉ với khối lượng xuất khẩu chỉ đạt 59 tấn, trị giá 196 nghìn USD.

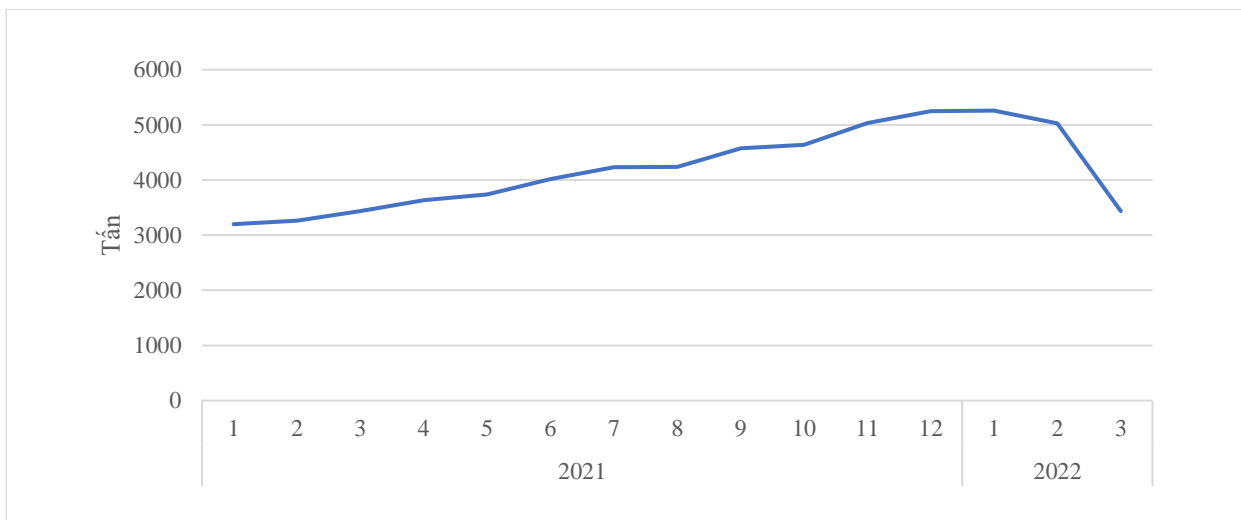
Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tới các nước trong khối EU tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đơn giá xuất khẩu hồ tiêu vào EU đang có xu hướng tăng mạnh trở lại, giá xuất khẩu trung bình tháng 3/2022 đạt mức 3.438 USD/tấn, giảm 31,6% so với tháng trước nhưng tăng 534,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU

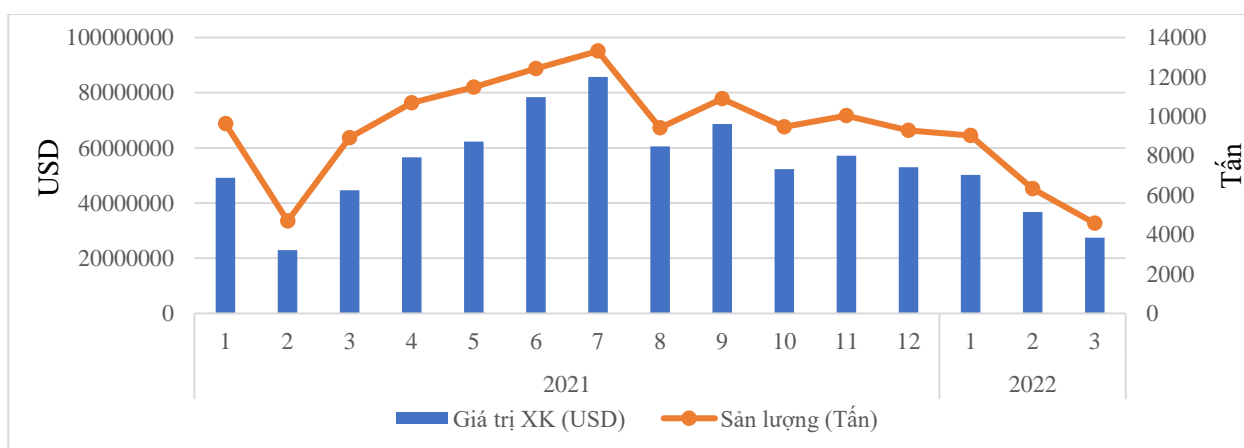


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 4,57 nghìn tấn điều, trị giá 27,45 triệu USD sang thị trường EU, giảm 38,5% về giá trị và 48,7% về khối lượng so với cùng kỳ năm trước; nhưng giảm 25,2% về giá trị và 27,8% về khối lượng so với tháng trước.

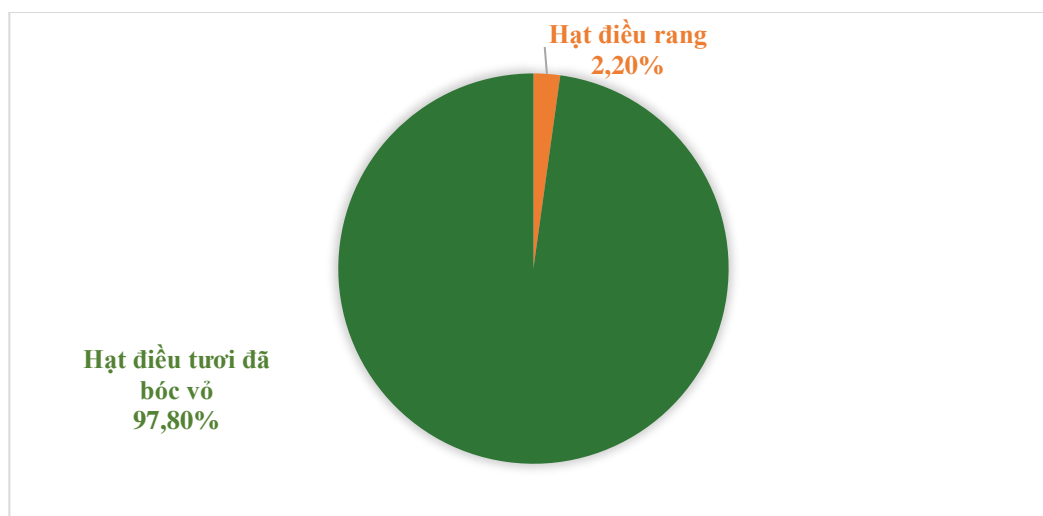
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường này chủ yếu là hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tới 98,6%, đạt 54 triệu USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước và 35% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu hạt điều rang tháng này chỉ chiếm 1,4%, đạt 0,8 triệu USD, tăng 82,3% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 14,2% so với tháng trước.

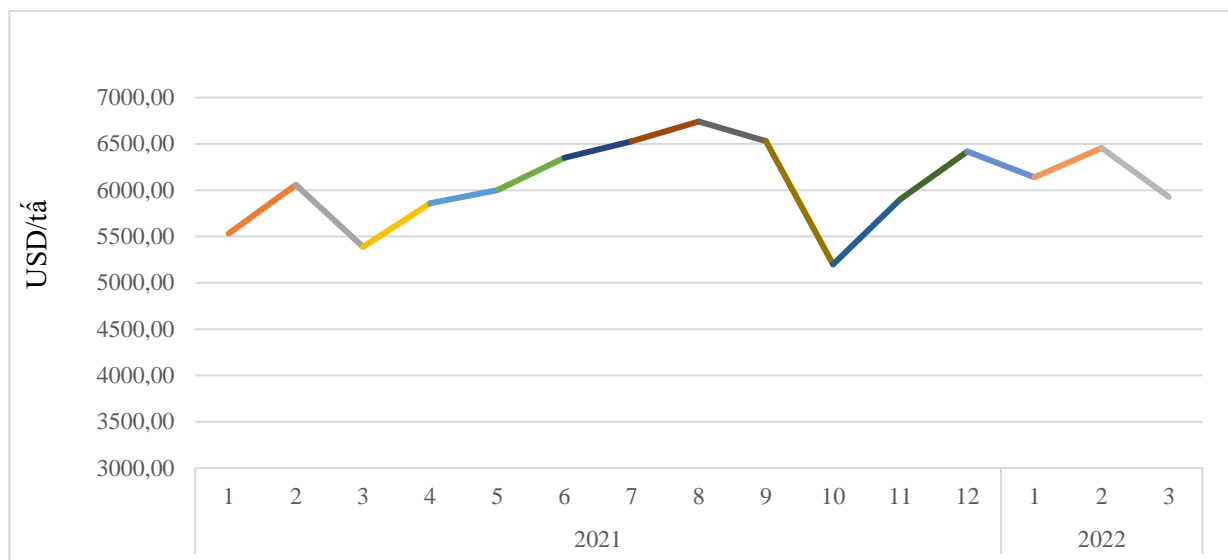
Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2022, giá xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 5.928 USD/tấn, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 8,2% so với tháng trước.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 3/2022 đạt trung bình là 6,2 USD/kg, giảm 6,5% so với tháng trước nhưng tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Đối với hạt điều rang đạt trung bình đạt 8,9 USD/kg giảm 9,5% so với tháng trước và 21,2% so với cùng kỳ năm trước.

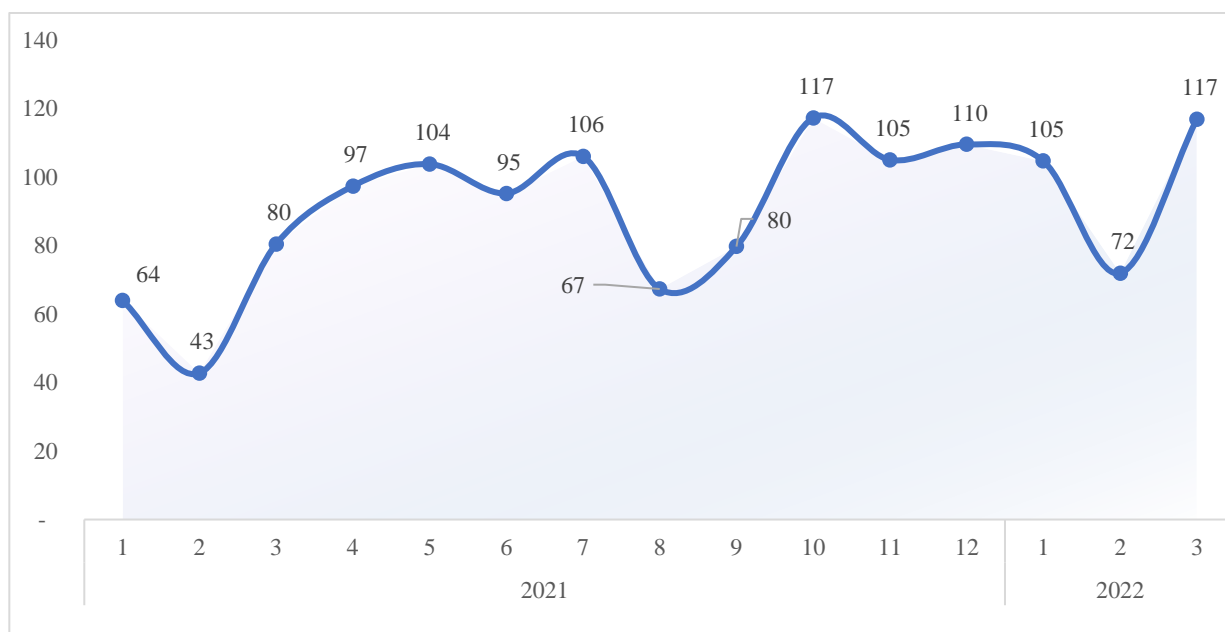
6. THỦY SẢN

Theo Auden Lem, Phó Giám đốc bộ phận thủy sản của Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc, đại dịch đã khiến thị trường thủy sản ở châu Âu bị đảo lộn, và lạm phát gia tăng càng trầm trọng hơn khi xảy ra cuộc khủng hoảng Ukraine. Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Liên minh châu Âu đạt 6,2% vào tháng 2 năm 2022, so với 5,6% vào tháng 1/2022. Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội các nhà quan sát thị trường thủy sản và nuôi trồng thủy sản châu Âu (EUMOFA), một năm trước đó, con số này là 1,3%. Giá thủy sản trong tháng 2/2022 tăng 4,9% so với năm trước.

Theo Tổng cục Hải quan, tính hết quý I/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 293,6 triệu USD, tăng 56,8% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 3/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 116,9 triệu USD, tăng 45,3% so cùng kỳ năm 2021, và tăng 68,9% so với tháng 2/2022. Tôm và cá da trơn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này. Giá trị xuất khẩu sản phẩm tôm chiếm 55,2% và cá da trơn chiếm 15,7%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU

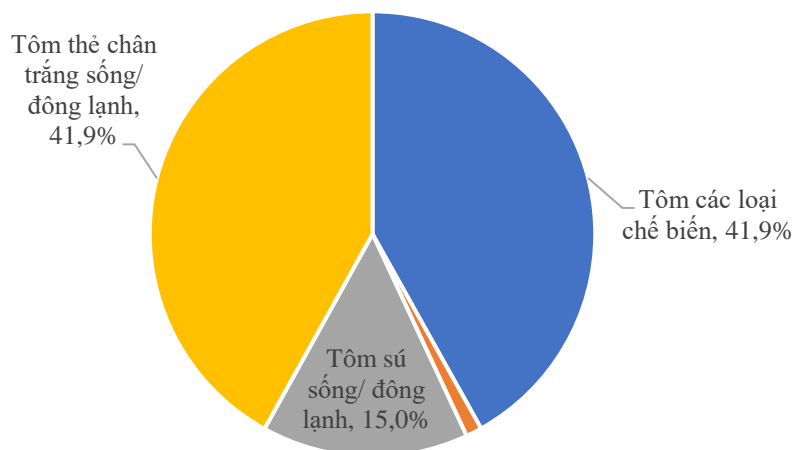
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 3/2022 đạt 64,6 triệu USD, tăng 49,6% so với cùng kỳ năm 2021, và tăng 59% so với tháng 2/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 27,1 triệu USD, tăng 43,7% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến các loại đạt 27 triệu USD; tăng 42,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 9,7 triệu USD, tăng 119,8%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,8 triệu USD, giảm 15,7%.

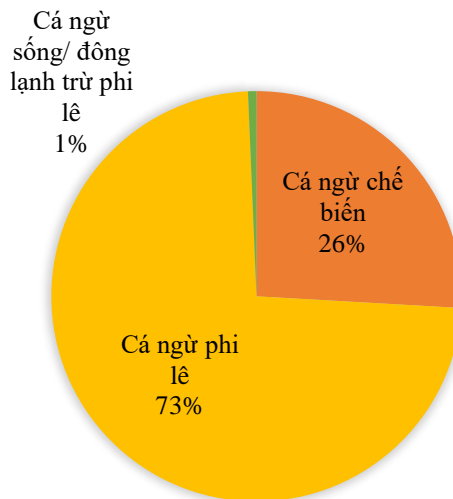
Hình 18: Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường EU tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu sản phẩm cá ngừ sang thị trường EU có xu hướng tăng trở lại, đạt 13,9 triệu USD, tăng 15,72% so với cùng kỳ năm trước và 68% so với tháng trước. Trong đó, cá ngừ phi lê đạt 10,2 triệu USD, tăng 96,3% so với tháng 3/2021; cá ngừ chế biến đạt 3,6 triệu USD, giảm 10,8%.

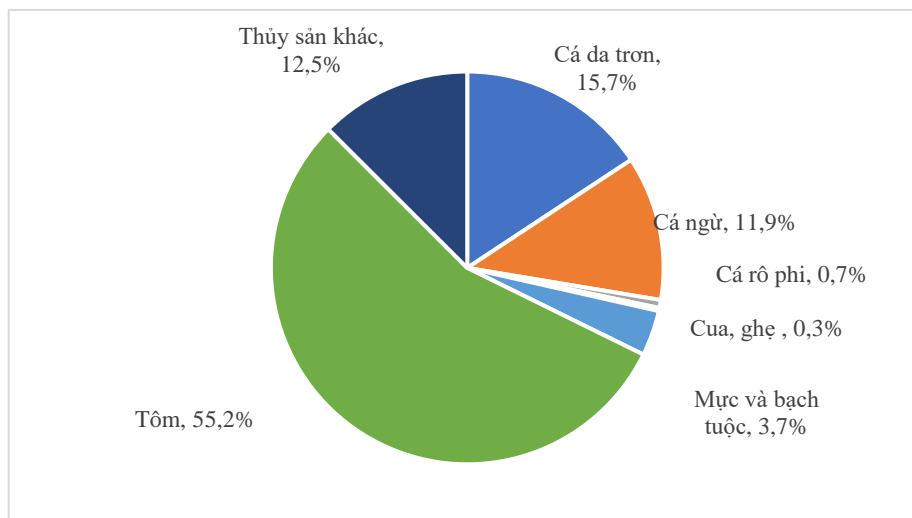
Hình 19: Cơ cấu sản phẩm cá ngừ xuất khẩu sang thị trường EU tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác sang thị trường EU tháng 3/2022 như sau: cá da trơn đạt 18,4 triệu USD, chiếm 15,7% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, tăng 112,4% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc 4,4 triệu USD, chiếm 3,7%, tăng 14,4%; cá rô phi đạt 0,8 triệu USD, chiếm 0,7%, tăng 265,8%; cua-ghe đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,3%, giảm 57,7% và thủy sản khác đạt 14,6 triệu USD, chiếm 12,5%, tăng 45,3%.

Hình 20: Cơ cấu một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong tháng 3/2022 như sau: Tôm đạt 9,8 USD/kg, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2021; Cá da trơn đạt 2,9 USD/kg, tăng 35,4%.

Bảng 1: Giá xuất khẩu một số loại thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2022

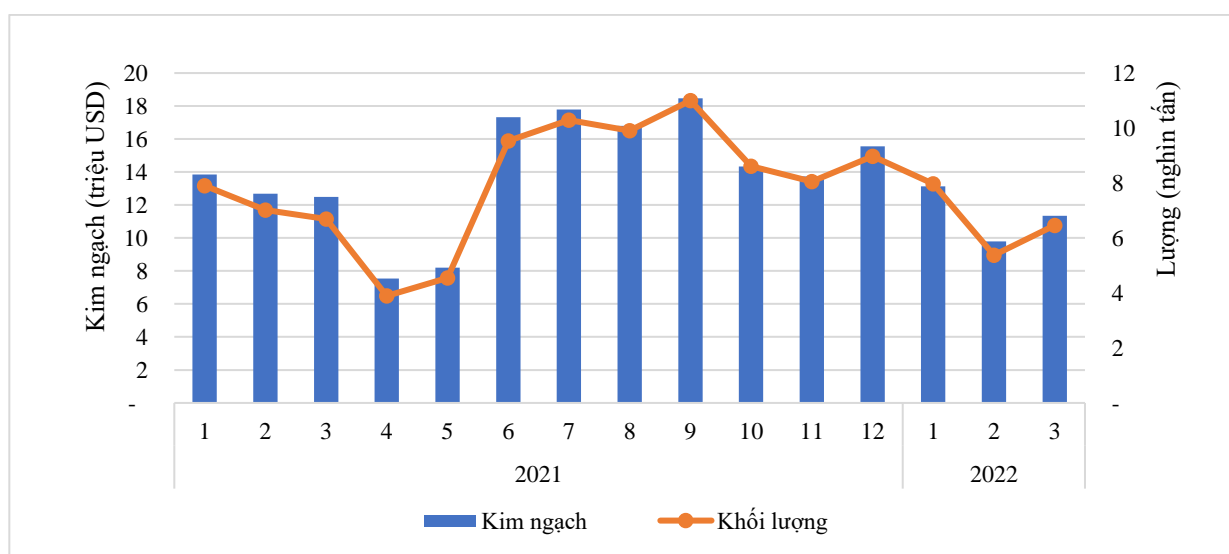
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,9	35,4%	-11,7%
2	Cá ngừ	9,7	19,3%	3,3%
3	Cá rô phi	2,4	14,8%	-10,4%
4	Cua, ghẹ	5,7	-13,8%	2,5%
5	Mực và bạch tuộc	6,4	0,9%	-2,4%
6	Tôm	9,8	10,9%	-1,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường EU ước đạt 6,5 nghìn tấn với trị giá 11,4 triệu USD, tăng 20,1% về khối lượng và 16,0% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 3,5% về khối lượng và giảm 9,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

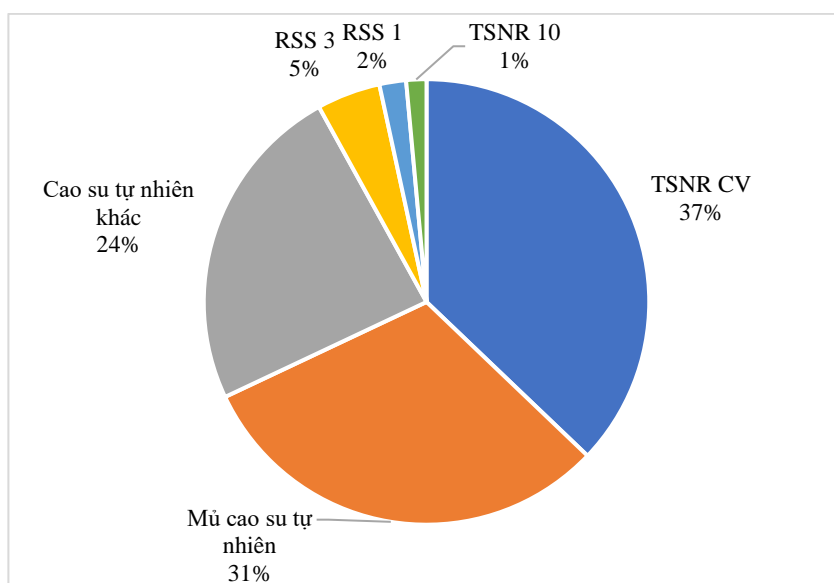
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 4,7 triệu USD, chiếm 37,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là mũ cao su tự nhiên với kim ngạch 3,9 triệu USD, chiếm 30,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và RSS 1, chiếm lần lượt 4,6% và 1,9% tổng giá trị xuất khẩu sang EU.

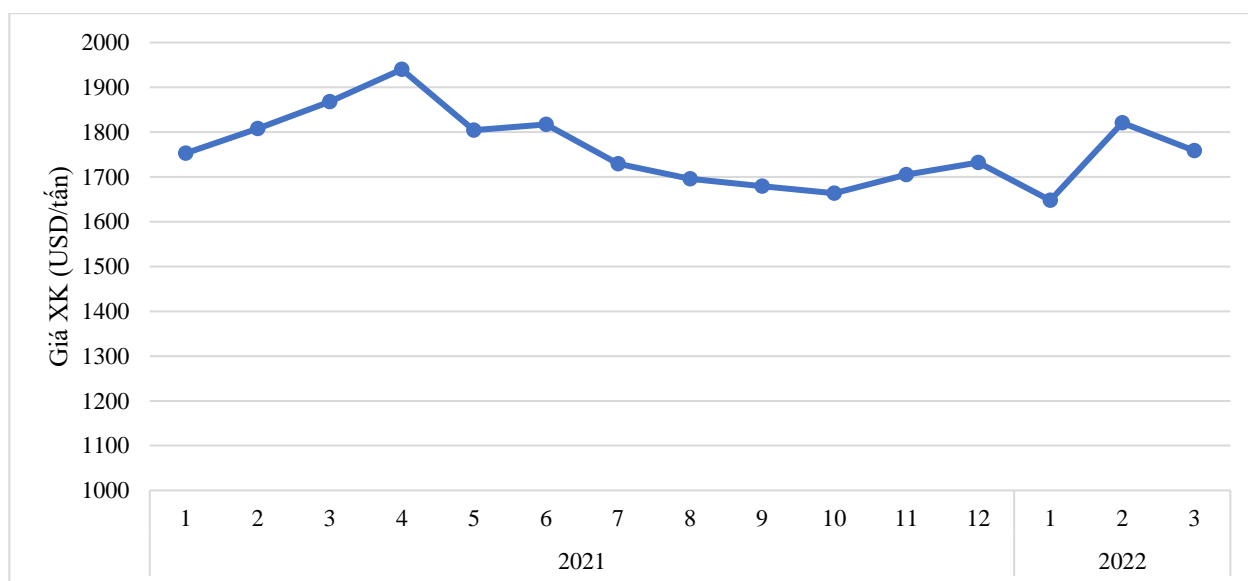
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường EU đạt mức 1.759 USD/tấn trong tháng 03/2022, giảm 3,4% so với tháng trước và 5,9% so với cùng kỳ 2021.

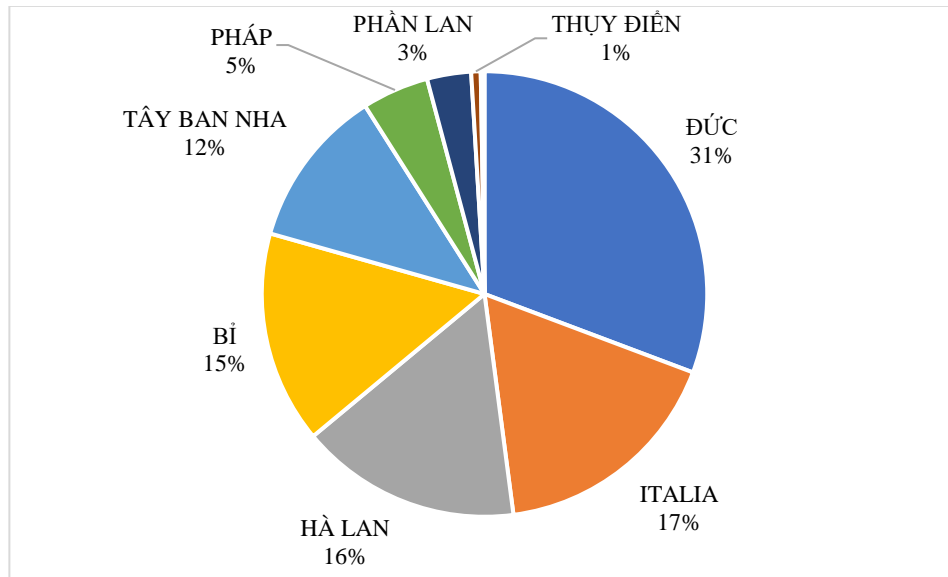
Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, Đức là quốc gia nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam với 3,5 triệu USD, chiếm 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường EU. Italia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 2,0 triệu USD, chiếm 17,2%. Tiếp theo là Hà Lan, Bỉ và Tây Ban Nha chiếm lần lượt 17,2%, 16,1% và 15,4% trong tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 24: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường EU



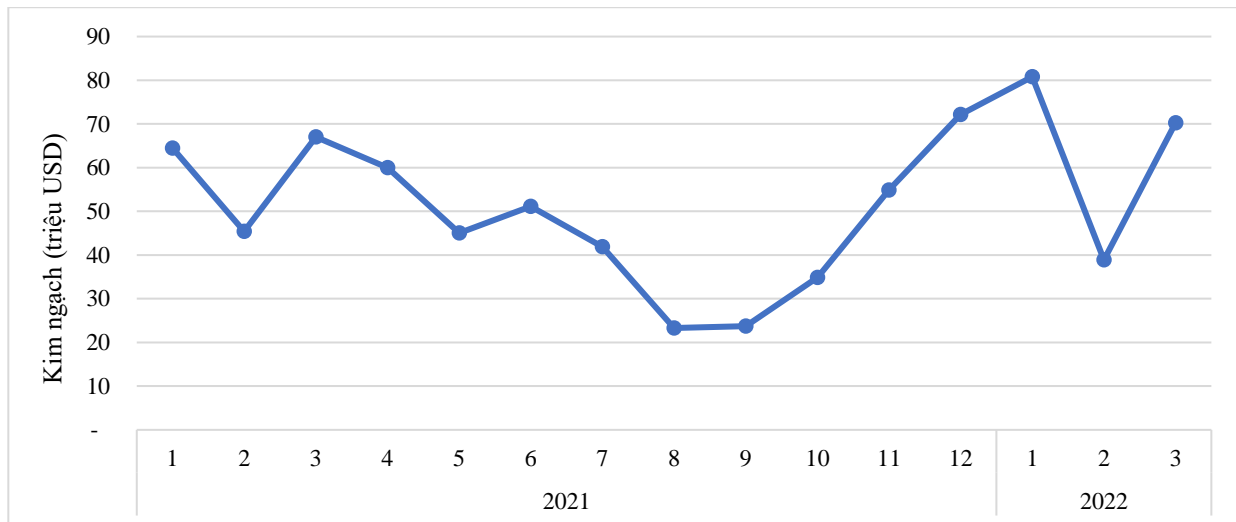
Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Thời gian qua, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Anh đã có mức tăng trưởng đáng kể. Đặc biệt là khi các DN Việt Nam tận dụng được các lợi thế ưu đãi từ Hiệp định UKVFTA mang lại.

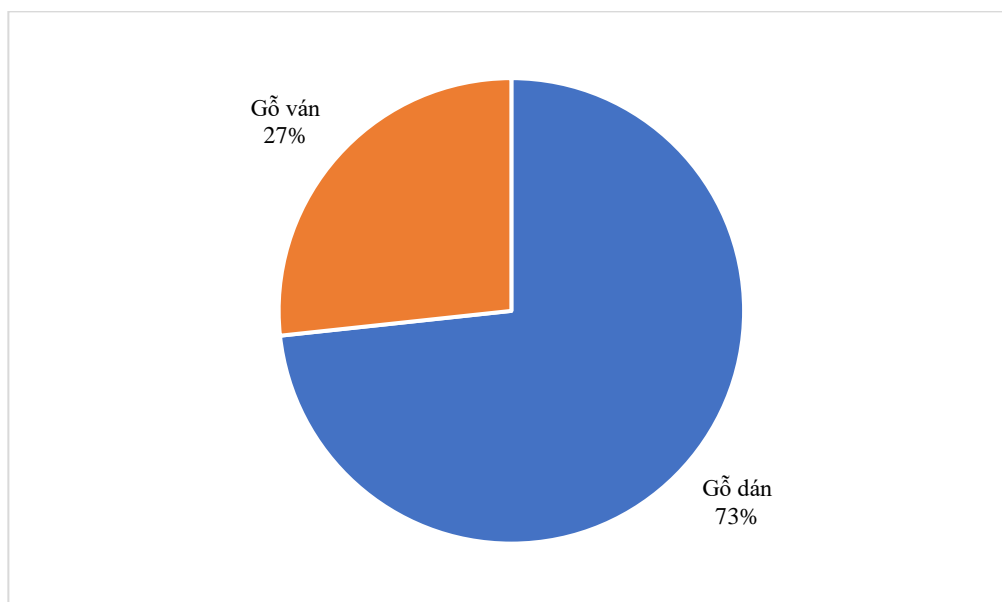
Theo bà Dương Thị Minh Tuệ - Ủy viên Ban Thường vụ Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP.HCM (HAWA), Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần gỗ Minh Dương, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ năm 2021 sang thị trường Anh đạt 186,18 triệu USD, tăng 7,5% so với năm 2020. Trong đó, nội thất văn phòng đạt 14,23 triệu USD, tăng 34%, nội thất phòng bếp đạt 21,23 triệu USD, tăng 10%, nội thất phòng ngủ đạt 45,56 triệu USD, tăng 2% và nội thất bằng gỗ khác đạt 108,19 triệu USD, tăng 17%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU ước đạt 70,3 triệu USD, tăng 80,8% so với tháng trước và 4,9% so với cùng kỳ 2021.

Hình 25: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường EU đạt 1,6 triệu USD, chiếm 73,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ ván với kim ngạch 582,3 nghìn USD, chiếm 26,7% tổng giá trị xuất khẩu.

Hình 26: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường EU theo kim ngạch tháng 03/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

EVFTA đi vào thực thi đã mở ra nhiều thuận lợi cho nông sản xuất khẩu sang thị trường 27 nước thành viên EU, trong đó có mặt hàng gạo. Bước đầu, việc khai thác EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu được đánh giá là tích cực, nhưng thực tế, gạo Việt vẫn chưa tiến sâu vào hệ thống phân phối tại đây, mà chủ yếu qua các đầu mối nhập khẩu châu Á và người Việt tại EU. Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho biết, EU nhập khẩu 3-4 triệu tấn gạo mỗi năm. Năm 2021, EU nhập khẩu 3,6 triệu tấn gạo; trong đó 1,6 triệu tấn giao dịch nội khối và 2 triệu tấn nhập khẩu từ các nước bên ngoài EU. Hiện thị phần gạo của Việt Nam tại EU còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 3,1% tổng lượng gạo ngoại khối nhập khẩu vào EU. Như vậy, Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để gia tăng xuất khẩu vào thị trường này. Năm 2022, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU vẫn được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khá.

2. Hồ tiêu

Theo số liệu của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), trong quý I, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU tăng mạnh 36,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 10.210 tấn. Trong đó, lượng hồ tiêu xuất khẩu sang các nước trong khu vực như Đức, Hà Lan, Tây Ban Nha... đều ghi nhận mức tăng trưởng cao. Còn theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), năm 2021, EU đã nhập khẩu kỷ lục 104.980 tấn hồ tiêu với trị giá 413,6 triệu Euros, tăng 6,8% về lượng và tăng 28,3% về trị giá so với năm 2020.

Đáng chú ý, trong vòng 5 năm trở lại đây, lượng hồ tiêu của Việt Nam xuất khẩu vào EU đã tăng rất mạnh 56,3% từ 22.475 tấn của năm 2017 lên mức 35.131 tấn trong năm 2021. Thậm chí ngay cả khi nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu của châu Âu sụt giảm do đại dịch COVID-19 vào năm 2020 thì xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường này vẫn duy trì mức tăng trưởng ấn tượng 8,3%. Điều này cho thấy hồ tiêu của Việt Nam đang ngày càng được người tiêu dùng châu Âu ưa chuộng. Đồng thời, việc gia tăng xuất khẩu vào thị trường khó tính bậc nhất thế giới với các tiêu chuẩn và điều kiện khắt khe cũng khẳng định vị thế cũng như chất lượng của hồ tiêu Việt Nam đang được nâng cao.

3. Thủy sản

Các siêu thị ở Châu Âu đang có những động thái hạn chế nhập khẩu cá minh thái và cá haddock của Nga. Trong khi nhu cầu cá thịt trắng ở EU đang rất cao.

Xung đột Nga - Ukraine được xem là cơ hội cho cá tra Việt Nam khi sản phẩm này được kỳ vọng có thể thế chỗ cho các minh thái của Nga trong khẩu phần ăn của người dân khu vực châu Âu. Theo trang Undercurrent News, thị trường thủy sản Châu Âu đang phụ thuộc nhiều vào cá thịt trắng của Nga. Cụ thể, một số tổ chức dự báo trong năm 2022, Nga sẽ chiếm 49% sản lượng cá minh thái trên toàn cầu; 32% sản lượng cá tuyết Đại Tây Dương; 41% sản lượng cá tuyết Thái Bình Dương; và 24% sản lượng cá tuyết chấm đen. Do đó, sẽ là một thách thức lớn đối với các nhà nhập khẩu cá thịt trắng châu Âu trong việc tìm các nguồn thay thế trong trường hợp EU ra lệnh cấm đối với mặt hàng này của Nga. Dự báo, xuất khẩu cá tra sang thị trường này tiếp tục tăng trưởng cao trong tháng 4, các doanh nghiệp cần chú ý các yêu cầu của thị trường để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường EU.

4. Gỗ và SP từ gỗ

Hiện vẫn còn nhiều dư địa để các DN ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam khai thác thị trường Anh. Đáng chú ý, các công ty gỗ của Anh đang có xu hướng có thêm nhà cung cấp ngoài Trung Quốc như Việt Nam, Malaysia, Indonesia... nên đây chính là thời điểm tốt nhất để các DN gỗ Việt Nam có thể thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường này.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 3/2022 (USD)	Tăng/giảm so tháng trước	Tăng/giảm so cùng kỳ năm 2021	Tỷ trọng
1	Cà phê	233.566.828	86,8%	126,6%	44,5%
2	Cao su	11.351.147	16,0%	-9,1%	2,2%
3	Chè	62.777	5,8%	-74,9%	0,01%
4	Gạo	4.546.155	-3,5%	0,3%	0,9%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	70.261.975	80,8%	4,9%	13,4%
6	Hàng rau quả	15.703.909	40,6%	-8,1%	3,0%
7	Hàng thủy sản	116.929.951	62,5%	45,3%	22,3%
8	Hạt điều	27.452.184	-25,2%	-38,5%	5,2%
9	Hạt tiêu	9.274.283	-2,9%	-0,6%	1,8%
10	Sản phẩm mây tre đan	21.492.996	41,1%	23,1%	4,1%
11	Sản phẩm từ cao su	14.032.240	86,4%	-27,2%	2,7%
Tổng 11 mặt hàng chính		524.674.445	-37,0%	-12,0%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 3/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 3/2021		Tháng 3/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	5.534	3.723.432	3.540	2.912.631	-36,0%	-21,8%
2	Gạo Japonica	486	292.567	1.054	970.034	116,7%	231,6%
3	Các loại gạo khác	818	517.257	1.162	663.491	42,1%	28,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 3/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 3/2021	Tháng 3/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T3.2022/T3.2021
	Tổng giá trị XK	17.090.405	15.703.909	-8,1%
1	Chanh	5.464.852	4.269.984	-21,9%
2	Xoài	2.551.839	2.074.606	-18,7%
3	Dứa	870.053	1.357.104	56,0%
4	Thanh long	1.989.688	1.080.915	-45,7%
5	Dừa	1.462.541	1.073.907	-26,6%
6	Gừng	162.277	528.855	225,9%
7	Khác	4.589.154	5.318.538	15,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 3/2022

Loại sản phẩm	Tháng 3/2021	Tháng 3/2022	So sánh
	(USD)	(USD)	2022/21 (%)
Cá da trơn	18.381.398,7	8.655.976,9	112,4%
Cá ngừ	13.913.132,6	12.028.399,3	15,7%
Cá rô phi	767.553,3	209.823,1	265,8%
Cua, ghe	302.928,1	715.882,0	-57,7%
Mực và bạch tuộc	4.378.322,0	3.825.900,2	14,4%
Tôm	64.551.121,7	43.152.341,0	49,6%
Thủy sản khác	14.635.494,1	11.871.984,9	23,3%
Tổng	116.929.950,5	80.460.307,4	45,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm cà phê sang thị trường EU tháng 3/2022

Mặt hàng	Tháng 3/2021 (USD)	Tháng 3/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	93.133.447	221.187.874	137,50%
Cà phê tan	6.165.729	7.553.130	22,50%
Chưa rang đã khử cafein	3.318.820	4.635.387	39,67%
Đã rang đã khử cafein	204.673	44.911	-78,06%
Đã rang chưa khử cafein	170.844	38.585	-77,41%
Khác	62.630	106.940	70,75%
Tổng	103.056.143	233.566.828	126,64%

Nguồn: Tổng cục Hải quan